| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023
"V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thúy An
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông H Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2022/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1982. Có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Sáu S, xã Ngọc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu nhau, bắt đầu chung sống như vợ chồng vào năm 2003. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, chung sống hạnh phúc khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng thường cãi nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích T1 - sinh ngày: 21/6/2004, Nguyễn Văn T2 - sinh ngày: 18/10/2006 và Nguyễn Thị Trúc L - sinh

ngày: 10/7/2018. Hiện cháu T1 đã trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu T2 và cháu L đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T2 và cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn, anh H không trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Xét thấy cháu T1 đã trưởng thành, cháu T2 trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn chung sống với chị T, cháu L còn nhỏ đang chung sống ổn định với chị T do đó yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tận và cháu Linh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu nhau và bắt đầu chung sống như vợ chồng năm 2003, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh H nhiều lần tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay.

Anh H đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến T trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng lớn, ly thân trong thời gian dài. Theo kết quả xác minh Ban lãnh đạo ấp tại nơi cư trú, xác định anh H và chị T đã phát sinh mâu thuẫn khoảng 02 năm. Chị T vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Theo chị T trình bày và Giấy khai sinh có cơ sở xác định quá trình chung sống anh chị có 03 con chung Nguyễn Thị Bích T1 - sinh ngày: 21/6/2004, Nguyễn Văn T2 - sinh ngày: 18/10/2006 và Nguyễn Thị Trúc L- sinh ngày: 10/7/2018. Xét thấy cháu T1 đã trưởng thành, cháu T2 trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn chung sống với chị T, cháu L còn nhỏ đang chung sống ổn định với chị T do đó yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và cháu L của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008735 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T1 - sinh ngày: 18/10/2006 và Nguyễn Thị Trúc L - sinh ngày: 10/7/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008735 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị T được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 27/02/2023, anh H được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi Hnh án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thúy An**